TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: *64/2019/HN-ST*
Ngày: *10 - 6 - 2019*
V/v tranh chấp *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Nguyễn Văn Trước

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Ngày 10 tháng *6* năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2019/TLST - HN ngày 02 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1983 (Có mặt)

Trú tại: Số 183/13, ấp Phước Đ, xã BHP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Trúc P, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng)

Trú tại: ấp Phước Đ, xã BHP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/4/2019 cũng như tại phiên tòa- nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày: Chị và anh Huỳnh Trúc P tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2002, không có tổ chức lễ cưới và cũng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chị và anh P sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng khoảng cuối năm 2012 thì giữa chị và anh P xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị D muốn đi làm để kiếm thu nhập để

lo cho gia đình, nhưng anh P không cho. Từ đó chị và anh P bất đồng ý kiến, cải vả, anh P thường xuyên đánh đập chị, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên chị và anh P không còn sống chung với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Chị D yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Trúc P.

- Về con chung: Có 01 con chung là Huỳnh Gia K, sinh ngày 31/7/2003, hiện đang sống chung với anh P. Khi ly hôn, chị D giao cháu K cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn - anh Huỳnh Trúc P có đơn xin xét xử vắng mặt, và trình bày ý kiến: Anh và chị D sống chung với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung giữa chị D và anh phát sinh mâu thuẫn như chị D trình bày tại đơn khởi kiện. Anh P đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung là cháu Huỳnh Gia Kiệt, sinh ngày 31/7/2003. Anh P yêu cầu được nuôi cháu Kiệt, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "ly hôn", do bị đơn hiện đang cư trú tại xã Bình Hòa Phước, huyện Long Hồ, căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Huỳnh Trúc P có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Huỳnh Trúc P sống chung với nhau từ năm 2002, nhưng không có đăng ký kết hôn, nên khi chị D có đơn yêu cầu ly hôn anh P, Toà án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung. Do chị D và anh P không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, nên việc chị D và anh P đồng ý tình ly hôn với nhau, Tòa án không công nhận sự thỏa thuận này, mà tiến hành xét xử và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh P.

[4] Về con chung: Cháu Huỳnh Gia K, sinh ngày 31/7/2003, hiện đang sống chung với anh P, cháu kiệt cũng có nguyện vọng sống chung với anh P, chị D cũng đồng ý giao cháu Kiệt cho anh P nuôi dưỡng. Nên, Hội đồng xét xử giao cháu Kiệt cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh P không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị D và anh P không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị D và anh P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị D phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố trụng Dân sự; Điều 14, 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thương vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị D và anh Huỳnh Trúc P

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Gia K, sinh ngày 31/7/2003, cho anh Huỳnh Trúc P tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Huỳnh Trúc P không yêu cầu chị Trần Thị D cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị D và anh P không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị D nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Chị D đã nộp 300.000 đ tiền tạm ứng án

phí theo biên lai thu tiền số 0002282 ngày 02/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, nên được khấu trừ qua.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh
- VKSND Long Hồ;
- THADS Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú